

Bản án số: 493/2020/HS-PT
Ngày 26 tháng 8 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Hồ Sỹ Hoàng - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 128/2020/TLPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn X do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 03/03/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; tại Thừa Thiên- Huế.

Nơi thường trú: Khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Lê Thị H; bị cáo có chồng là Nguyễn Đình C và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

Ngày 25/8/2013, Cơ quan CSĐT Công an huyện V khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Thị L về hành vi “Chống người thi hành công vụ”, theo khoản 1 Điều 257 BLHS năm 1999. Đến ngày 18/02/2014, đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Thị L theo khoản 1 Điều 25 BLHS năm 1999.

Ngày 16/6/2015, Công an thị trấn V lập biên bản vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị L do có lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thi hành công vụ. Ngày 17/6/2015, UBND thị trấn V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị L, hình thức phạt tiền 2.500.000đ. Cùng ngày 17/6/2015, Nguyễn Thị L đã đóng phạt xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2018 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn X (Sen, Xen), sinh năm 1971; tại tỉnh Long An.

Nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Văn U và bà Võ Thị N; có vợ là Trần Thị T và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2018 đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo L:* Ông Phạm Văn Thọ - Luật sư của Văn phòng Luật sư Minh Thọ, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt). Bà Ngô Huỳnh Phương Thảo (vắng mặt), ông Trần Đình Dũng - Luật sư của Công ty luật TNHH một thành viên Đông Pháp, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo X:* Ông Nguyễn Đức Nhuận, ông Trần Đình Dũng, ông Mai Công Minh - Luật sư của Công ty luật TNHH một thành viên Đông Pháp, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

Ông Mai Nhã T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L, ngụ tại thị trấn V, huyện Vĩnh Hưng. Vào năm 2017, Lê biết được khu D thuộc Ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức (còn gọi là Dự án 773) sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho dân nghèo nên Lê đã rủ Lê Thị Thông, Châu Lâm Hưng, Phạm Văn Minh, Nguyễn Thanh Vũ và Nguyễn Văn X (ngụ tại Thạnh Lợi, Bến Lức) cùng xin cấp đất đồng thời thống nhất để Lê làm đại diện đi xin. Lê đã có đơn gửi UBND huyện Bến Lức xin cấp đất và được trả lời là chưa có chủ trương của cấp trên về việc cấp đất (Công văn số 11 ngày 04/01/2017). Từ đó, Lê đã bàn bạc với Thông, Hưng, Minh, Vũ tự phân chia đất ở khu D để cấp cho dân, mỗi người 1 lô 1.500m², và sẽ thu tiền của dân mỗi lô khoảng 20.000.000đ,

đồng thời giao cho Thông làm thủ quỹ. (Tuy nhiên, qua xác minh chỉ có Xem và Lê trực tiếp thu tiền của dân). Để cho các bị hại tin tưởng giao tiền, Lê và Xem đã đưa thông tin giả là Ủy ban sẽ cấp đất cho dân nghèo trong khu vực Ấp 4, xã Thạnh Lợi, đồng thời đưa các giấy tờ liên quan đến dự án 773 cho các bị hại xem. Ngoài ra Lê còn đăng lên mạng xã hội Facebook có tên "Nguyễn Lê" các hình ảnh, video clip về việc Lê đang xây cất nhà tại khu đất thuộc Dự án 773, Đăng các video clip hiển thị nội dung các cuộc đối thoại giữa Lê và chính quyền địa phương với những lời lẽ, hành vi khiêu khích, xúc phạm cán bộ. Từ đó, các bị hại tin tưởng việc cấp đất của Nhà nước là có thật và Lê đã đấu tranh là bảo vệ cho họ, do vậy các bị hại càng tin tưởng và giao tiền cho Lê để Lê lo giấy tờ và thuê luật sư bảo vệ quyền lợi cho họ. Các bị hại đã đưa cho Lê và Xem số tiền từ 5.000.000đ đến 70.000.000đ cho mỗi lô, cụ thể như sau:

* Nguyễn Thị L đã nhận của các bị hại:

1. Đinh Thanh Hải, sinh năm 1969. HKTT: Ấp Bình Châu, xã Tuyên Bình, Vĩnh Hưng, Long An.

Tháng 10/2017, Nguyễn Thị L cấp cho ông Hải 03 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức và nhận số tiền 60.000.000đ. Ông Hải đã cất chòi. Sau đó Lê trả lại cho ông Hải 20.000.000đ và lấy lại 01 lô đất.

2. Lê Văn Tắc, sinh năm 1961. HKTT: Ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa, Thạnh Hóa, Long An.

Tháng 12/2017, Nguyễn Thị L cấp cho ông Tắc 02 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức và nhận số tiền 25.000.000đ. Ông Tắc đã cất chòi.

3. Thái Văn Việt, sinh năm 1968. HKTT: Ấp 2, xã Tân Lập, Thủ Thừa, Long An.

Tháng 02/2018, Nguyễn Thị L cấp cho ông Việt 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức, sau khi được cấp đất, Ông Việt đã cất chòi và đưa cho Lê Thị Thông số tiền 5.000.000đ, bà Thông đã giao số tiền này cho Nguyễn Thị L.

4. Nguyễn Thanh Phong, sinh năm 1952. HKTT: Ấp 2, xã Mỹ An, Thủ Thừa, Long An.

Tháng 3/2018, Nguyễn Thị L cấp cho ông Phong 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức và nhận của ông Phong số tiền 10.000.000đ. Lô đất Lê cấp cho Ông Phong đã cất chòi sẵn.

5. Đỗ Thị Tuyết Hồng, sinh năm 1965. HKTT: Ấp 1, Vĩnh Bình, Vĩnh Hưng, Long An. Tạm trú: Ấp Bình Thạnh, xã Bình Tịnh, Tân Trụ, Long An.

Tháng 12/2017, Nguyễn Thị L cấp cho bà Hồng 02 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức, bà Hồng đã cất chòi và đưa cho Lê Thị Thông số tiền 19.000.000đ,

bà Thông đã giao lại số tiền này cho Nguyễn Thị L. Sau đó Lê nói đất lên giá phải đóng tiền 50.000.000đ/1 lô, Hồng không đồng ý và yêu cầu Lê trả lại tiền, Lê đã trả lại cho Hồng số tiền 4.000.000đ.

6. Đỗ Thị Xinh, sinh năm 1960, HKTT: Ấp Đông Nam, xã Tân Hòa, Tân Thạnh, Long An.

Cuối năm 2017, Nguyễn Thị L cấp cho bà Xinh 02 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức, bà Xinh đã cắt chòi và đưa cho Lê Thị Thông số tiền 20.000.000đ, bà Thông giao lại số tiền này cho Nguyễn Thị L. Sau đó Lê lấy lại một lô đất nên bà Xinh yêu cầu Lê trả lại tiền. Lê đã trả lại số tiền 20.000.000đ cho bà Xinh.

7. Trần Thị Út Mười (Mười Cao), sinh năm 1969, HKTT: Ấp 2, xã Tân Lập, Thạnh Hóa, Long An.

Bà Mười có đưa cho Nguyễn Thị L số tiền 240.000.000đ để được Lê cấp 12 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức.

Tổng cộng, Nguyễn Thị L nhận tiền của 07 bị hại số tiền 379.000.000đ. Ngoài ra L còn nhận từ Nguyễn Văn X số tiền 80.000.000đ (tiền Xem thu của người dân đưa cho L), tổng cộng 459.000.000đ (bốn trăm năm mươi chín triệu đồng).

* Nguyễn Văn X sau khi bàn bạc thống nhất với Nguyễn Thị L về việc chia tổ phân lô cấp đất cho những người dân xin đất, do Xem viết chữ không rành nên yêu cầu Trần Thị Thủy là vợ X lập danh sách những người dân xin đất. Thủy đã lập các danh sách những người xin đất và nhận tiền của một số người dân xin cấp đất (không nhớ cụ thể từng người). Sau khi nhận tiền, Thủy đã giao lại hết cho X. Tổng cộng Nguyễn Văn X đã nhận tiền để cấp đất hoặc cấp đất nhận tiền của các bị hại như sau:

1. Lê Quang Trí, sinh năm 1984. HKTT: KP2, thị trấn Thạnh Hóa, Thạnh Hóa, Long An.

Tháng 10/2017, Xem nhận của anh Trí số tiền 25.000.000đ để cấp cho anh Trí 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức. Anh Trí đã cắt chòi.

2. Huỳnh Minh Dương, sinh năm 1976. HKTT: Ấp 1, xã Long Thạnh, Thủ Thừa, Long An.

Tháng 10/2017, Xem nhận của anh Dương số tiền 30.000.000đ để cấp cho anh Dương 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức. Anh Dương đã cắt chòi.

3. Lâm Văn Khoe, sinh năm 1947. HKTT: Ấp Nhơn Xuyên, xã Thuận Nghĩa Hòa, Thạnh Hóa, Long An.

Tháng 11/2017, X cấp cho ông Khoe 05 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức và nhận của ông Khoe số tiền 200.000.000đ.

4. Giao Văn Chính, sinh năm 1969, HKTT: Ấp Gầy, xã Thuận Bình, Thạnh Hóa, Long An.

Tháng 11/2017, X cấp cho ông Chính 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức và nhận của ông Chính số tiền 30.000.000đ. Ông Chính đã cất chòi.

5. Nguyễn Thị Kim Mạnh, sinh năm 1984. HKTT: Ấp 1, xã Long Thạnh, Thủ Thừa, Long An.

Tháng 11/2017, X nhận của chị Mạnh số tiền 50.000.000đ để cấp cho chị Mạnh 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức. Chị Mạnh đã cất chòi.

6. Nguyễn Thị Sáu, sinh năm 1956. HKTT: Ấp 8, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An.

Tháng 12/2017, X cấp cho bà Sáu 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức và nhận của bà Sáu số tiền 30.000.000đ. Bà Sáu đã cất chòi.

7. Võ Thị Lan, sinh năm 1979. HKTT: Ấp 8, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An.

Tháng 12/2017, X cấp cho chị Lan 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức và nhận của chị Lan số tiền 30.000.000đ. Chị Lan đã cất chòi.

8. Võ Thị Mộng Linh, sinh năm 1984. HKTT: Ấp 8, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An.

Tháng 12/2017, X cấp cho chị Linh 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức và nhận của chị Linh số tiền 30.000.000đ. Chị Linh đã cất chòi.

9. Võ Văn Tâm, sinh năm 1987. HKTT: Ấp 8, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An.

Tháng 12/2017, X cấp cho anh Tâm 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức và nhận của anh Tâm số tiền 30.000.000đ. Anh Tâm đã cất chòi.

10. Nguyễn Văn Bảy, sinh năm 1962. HKTT: Ấp 1, xã Hòa Phú, Châu Thành, Long An.

Đầu năm 2018, X cấp cho ông Bảy 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức và nhận của ông Bảy số tiền 24.500.000đ. Ông Bảy đã cất chòi.

11. Dương Văn Ngon, sinh năm 1973. HKTT: Ấp Đạo Thạnh, xã Hương Thọ Phú, TP Tân An, Long An.

Cuối năm 2017, X nhận của ông Ngon số tiền 70.000.000đ để cấp cho ông Ngon 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức.

12. Phạm Thị Mười, sinh năm 1963, HKTT: Ấp Bà Chứa, xã Thạnh Hưng, TX. Kiến Tường, Long An.

Tháng 11/2017, X nhận của bà Mười số tiền 30.000.000đ để cấp cho bà Mười 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức. Bà Mười đã cất chòi.

13. Võ Khắc Qui, sinh năm 1978, HKTT: Ấp Bàu Chứa, xã Thạnh Hưng, TX. Kiến Tường, Long An.

Tháng 01/2018, X nhận của anh Qui số tiền 30.000.000đ để cấp cho anh Qui 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức. Anh Qui đã cất chòi.

14. Nguyễn Thị Lệ, sinh năm 1957. HKTT: Ấp 4, xã Bình Hòa Hưng, Đức Huệ, Long An.

Đầu năm 2018, X nhận của bà Lệ số tiền 55.000.000đ để cấp cho bà Lệ 02 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức. Bà Lệ đã cất chòi.

15. Võ Minh Đấu, sinh năm 1983, HKTT: Ấp Vườn Xoài, xã Thuận nghĩa Hòa, Thạnh Hóa, Long An.

Đầu năm 2018, X cấp cho anh Đấu 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức và nhận của anh Đấu số tiền 10.000.000đ. Anh Đấu đã cất chòi.

16. Nguyễn Văn Hai và Lê Thị Đẹp (vợ chồng), sinh năm 1965. HKTT: Ấp 4, xã Bình Hòa Hưng, Đức Huệ, Long An.

Tháng 02/2018, X cấp cho ông Hai, bà Đẹp 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức và nhận của ông Hai số tiền 20.000.000đ. Ông Hai đã cất chòi (ông Hai đã chết vào tháng 4/2018).

17. Dương Thị Bích Phương, sinh năm 1991. HKTT: Ấp 1, xã Long Thạnh, Thủ Thừa, Long An.

Tháng 02/2018, X nhận của chị Phương số tiền 70.000.000đ để cấp cho chị Phương 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức.

18. Nguyễn Thị Mánh, sinh năm 1972. HKTT: Ấp 5, xã Tân Lập, Mộc Hóa, Long An.

Tháng 02/2018, X nhận của bà Mánh số tiền 40.000.000đ để cấp cho bà Mánh 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức.

19. Lê Minh Nghĩa, sinh năm 1984. HKTT: Ấp 2, xã Tân Hiệp, Thạnh Hóa, Long An.

Tháng 02/2018, X nhận của anh Nghĩa số tiền 70.000.000đ để cấp cho anh Nghĩa 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức.

20. Nguyễn Thị Lệ, sinh năm 1965. HKTT: Ấp 2, xã Tân Hiệp, Thạnh Hóa, Long An.

Tháng 02/2018, X nhận của bà Lệ số tiền 17.000.000đ để cấp cho bà Lệ 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức. Bà Lệ đã cất chòi.

21. Dương Quốc Danh, sinh năm 1986. HKTT: Ấp Huỳnh Thờ, xã Hậu Thạnh Đông, Tân Thạnh, Long An.

Tháng 3/2018, X nhận của anh Danh số tiền 70.000.000đ để cấp cho anh Danh 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức. Anh Danh đã cất chòi.

22. Nguyễn Thị Thanh Trúc, sinh năm 1977. HKTT: Ấp Huỳnh Thờ, xã Hậu Thạnh Đông, Tân Thạnh, Long An.

Tháng 3/2018, X nhận của chị Trúc số tiền 60.000.000đ để cấp cho chị Trúc 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức.

23. Lê Minh Cường, sinh năm 1981. HKTT: Ấp 2, xã Tân Hiệp, Thạnh Hóa, Long An.

Tháng 3/2018, X nhận của anh Cường số tiền 60.000.000đ để cấp cho anh Cường 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức. Anh Cường đã cất chòi.

24. Võ Văn Đạt, sinh năm 1985, HKTT: Ấp Vườn Xoài, xã Thuận Nghĩa Hòa, Thạnh Hóa, Long An.

Tháng 11/2017, X cấp cho anh Đạt 01 lô đất tại ấp 4, xã Thạnh Lợi, Bến Lức và nhận của anh Đạt số tiền 30.000.000đ. Anh Đạt đã cất chòi. Sau khi bị cưỡng chế, Xem đã trả lại cho anh Đạt số tiền 30.000.000đ.

Số tiền bị can Nguyễn Văn X nhận của 24 bị hại là: 1.111.500.000 đồng.

Tổng cộng Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn X chiếm đoạt của 31 bị hại số tiền 1.310.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 03/03/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 174, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 21/8/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị L 45 (bốn mươi lăm) ngày để bảo đảm kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 21/8/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn X 45 (bốn mươi lăm) ngày để bảo đảm kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/03/2020 bị cáo Nguyễn Thị L kháng cáo kêu oan, bị cáo Nguyễn Văn X kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mai Nhã T kháng cáo yêu cầu hủy phần nhận định và kiến nghị trong bản án và giải quyết về dân sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Các bị cáo đã biết khu D dự án 773 nhà nước chưa cấp đất cho ai, nhưng các bị cáo dùng Cobe mức đất, phân lô, ...đăng báo sẽ cấp đất cho người nghèo. Đồng thời, các bị cáo dùng dây phân lô, giao đất và yêu cầu bị hại phải cất chòi trên đất được giao để giữ và canh tác nhằm tạo niềm tin để bị hại giao tiền cho các bị cáo. Từ năm 2017 đến năm 2018, các bị cáo đã chiếm đoạt của 31 bị hại với số tiền 1.310.500.000 đồng. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo L, X về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng tội nên kháng cáo kêu oan của bị cáo L không có căn cứ. Bị cáo X kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cấp sơ thẩm xem xét vai trò đồng phạm của bị cáo, nhận định bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 12 năm tù là mức đầu của khung hình phạt. Nay bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị giữ y mức án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông T thì thấy: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không khởi tố, truy tố đối với ông T, Cấp sơ thẩm nhận định và kiến nghị là chưa phù hợp; đề nghị hủy bỏ phần kiến nghị đối với ông T trong bản án sơ thẩm và hủy bỏ phần giải quyết trách nhiệm dân sự đối với ông T.

Bị cáo L và Luật sư bào chữa cho bị cáo L cho rằng hành vi của bị cáo L chưa đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vì bị cáo không có hành vi gian dối với bị hại, dự án 773 là có thật, cấp đất cho người nghèo; UBND tỉnh Long An có quyết định giao các Cơ quan chức năng xem xét trả lời cho công dân. Bị cáo L không có hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại vì họ đưa tiền cho bị cáo L là tự nguyện để bị cáo đi khiếu nại, đi xin đất. Trong vụ án này hành vi của bà Thông giống như bị cáo X nhưng không xử lý là bỏ lọt tội phạm. Số tiền đưa cho nhà báo T là tiền có liên quan đến tội: “Nhận hối lộ” nhưng cũng chưa làm rõ để xử lý. Các Luật sư bào chữa cho bị cáo L đề nghị hủy án sơ thẩm giao về cho Viện kiểm sát điều tra lại vụ án cho đúng pháp luật.

Bị cáo X xác định hành vi của bị cáo là hành vi phạm tội, đã giúp sức cho bị cáo L, nhận tiền đưa cho bị cáo L. Bị cáo kháng cáo đề nghị Hội đồng giám nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các Luật sư bào chữa cho bị cáo X thì cho rằng bị cáo X không phạm tội, không giúp sức cho bị cáo L, nên đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm.

Ông T trình bày: ông Cơ thuê ông viết báo nên ông viết và nhận tiền theo hợp đồng, không liên quan đến hành vi của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia tranh tụng như sau: Bị cáo và các luật sư cho rằng dự án 773 đã có Quyết định của Chính phủ và Văn bản của địa phương là có thật nhưng việc triển khai thực chủ trương đó thuộc thẩm quyền của Cơ quan nhà nước. Nhà nước không giao dự án này cho bị cáo L thực hiện; bị cáo L không có chức năng và cũng không có thẩm quyền nhưng đã bao chiếm đất... nhằm tạo niềm tin cho bị hại, để bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo. Bị cáo L đã thuê người viết báo về dự án,... chỉ vị trí đo và giao đất cho bị hại. Luật sư cho rằng tiền của bị hại giao cho bị cáo là tự nguyện nhưng khi biết không được giao đất đã tố cáo, khiếu nại và buộc bị cáo phải trả lại tiền. Do đó, hành vi của bị cáo hoàn thành khi nhận tiền của bị hại. Đối với Thông, Minh, Hưng, Vũ và Thủy cấp sơ thẩm có nhận định chưa đủ căn cứ để xử lý về hình sự là phù hợp.

Bị cáo L và các luật sư không đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên đề nghị hủy án sơ thẩm.

Bị cáo L nói lời nói sau cùng đề nghị hủy án, bị cáo X đề nghị xem xét giảm án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L, bị cáo Nguyễn Văn X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Nhã T đúng luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Bị cáo L kháng cáo cho rằng những việc làm của bị cáo đúng pháp luật nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là oan, sai. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Quyết định số 773/1994/QĐ-TTg ngày 21/12/1994 của Thủ tướng Chính phủ, thì dự án 773 chủ trương cấp đất cho dân nghèo là có thật. Tuy nhiên, chính quyền địa phương đã trả lời cho các bị cáo biết dự án 773 đã kết thúc, không thực hiện từ năm 2000 (BL: 678). Tại phiên tòa, bị cáo cũng xác nhận nhà nước không giao Khu D dự án 773 cho bị cáo và bị cáo cũng không phải là chủ đầu tư để thực hiện dự án nhưng bị cáo đã thực hiện hàng loạt các hành vi như: Thuê người viết báo nói về dự án này sẽ cấp đất cho người

nghèo, thuê kobe mức đất, trồng cây... dựng chòi trên đất, dùng dây phân lô, chỉ vị trí đất và giao đất trước, làm cho bị hại tin tưởng và giao tiền. Từ năm 2017 đến năm 2018, các bị cáo đã chiếm đoạt 1.310.500.000 đồng là hành vi trái pháp luật, bị nghiêm cấm. Phần bào chữa của bị cáo L và các luật sư cho rằng bị cáo không có hành vi gian dối, không chiếm đoạt số tiền trên của bị hại, mà do bị hại tự nguyện giao cho bị cáo để đi xin đất là không có căn cứ, không phù hợp với thực tế khách quan. Bởi lẽ, sau khi bị thu hồi lại đất, người bị hại đã tố cáo, yêu cầu các bị cáo trả lại tiền. Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác định bị cáo là kẻ chủ mưu, cầm đầu và trực tiếp thực hiện tội phạm, hành vi của bị cáo còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến quản lý đất đai tại địa phương và xử phạt bị cáo 15 năm tù là có căn cứ.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo X thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt tài sản của rất nhiều người, thuộc đối tượng người dân lao động nghèo, khổ. Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo trong một thời gian dài từ tháng 10/2017 đến tháng 6/2018. Mặc dù đất của Nhà nước quản lý nhưng bị cáo cùng đồng phạm ngang nhiên rào đất, thuê kobe mức nương, phân lô, mua cây trồng, cất chòi, giao đất cho nhiều người. Hành vi của các bị cáo không chỉ đơn thuần phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của người dân mà còn xâm phạm đến các quy định về quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương. Mặc dù chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình quản lý đất đai của nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự tại địa phương. Sau khi phạm tội, bị cáo cũng chưa bồi thường thiệt hại, khiến cho các bị hại gặp nhiều khó khăn. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự và các quy định về vai trò đồng phạm, để cá thể hóa hành vi phạm tội cho bị cáo và xử phạt bị cáo với mức án tù 12 năm, mức đầu của khung hình phạt là đã có chiều cố cho bị cáo. Nay bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới, để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt nên không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét đối với Thông, Minh, Hưng, Vũ và Thủy nhưng chưa đủ căn cứ nên không xử lý về hình sự là phù hợp. Nay luật sư cho rằng cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với Thông nhưng không đưa ra được căn cứ và đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không phù hợp.

[4]. Xét kháng cáo của ông Mai Nhã T thì thấy: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tỉnh Long An không xử lý đối với ông T trong vụ án này nên Tòa án cấp sơ

thẩm nhận định, kiến nghị và xử lý buộc trả lại số tiền 140.000.000 đồng là chưa phù hợp. Bởi lẽ, việc làm của ông T thuộc một quan hệ khác, không xử lý trong vụ án hình sự này. Nếu có căn cứ, Cơ quan có thẩm quyền sẽ kiến nghị xử lý, theo thủ tục hành chính. Do đó, chấp nhận kháng cáo của ông Mai Nhã T: Hủy bỏ phần nhận định, kiến nghị và buộc trả lại 140.000.000 đồng trong bản án sơ thẩm.

[5]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận phần tranh tụng của bị cáo L và các luật sư bào chữa cho bị cáo L, bác đơn kháng cáo của bị cáo L, X; chấp nhận đơn kháng cáo của ông Mai Nhã T; giữ nguyên phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo L và X.

Bị cáo L, X phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn X, chấp nhận kháng cáo của ông Mai Nhã T; sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn X (Sen, Xen) phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 21/8/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị L 45 (bốn mươi lăm) ngày để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn X (Sen, Xen) 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 21/8/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn X (Sen, Xen) 45 (bốn mươi lăm) ngày để bảo đảm thi hành án.

- Hủy bỏ phần nhận định, kiến nghị và buộc ông Mai Nhã T nộp lại 140.000.000 đồng để khấu trừ vào nghĩa vụ trả nợ của các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn X.

- Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn X phải chịu 200.000 đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- CA tỉnh Long An (1);
- Sở tư pháp tỉnh Long An (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Long An (2) (để tổng đạt cho 2bc);
- Người liên quan (1);
- Lưu VT (6) HS (1) 17b-PTHH.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 50 phút ngày 11 tháng 7 năm 2019;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Tiến hành nghị án vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 784/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Hùng Anh, sinh năm 1975; tại Tiền Giang;

Nơi cư trú: Số 477/5 ấp Bà Phổ, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc Hùng Anh; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Hùng Anh phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Hùng Anh tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2016.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Hùng Anh phải nộp 200.000 đồng.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 10 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công Đinh Ngọc Thu Hương

Đặng Văn Ý